

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày 28 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

1. Mục tiêu	1
1.1. Mục tiêu chung.....	1
1.2. Mục tiêu cụ thể.....	1
2. Chuẩn đầu ra.....	2
2.1. Kiến thức	2
2.2. Kỹ năng	2
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	3
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	4
4. Đối tượng tuyển sinh.....	4
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	4
6. Cách thức đánh giá.....	4
7. Nội dung chương.....	5
8. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ:	18
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình	20

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: Quản lý đất đai

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Chuyên ngành đào tạo: Quản lý đất đai

Mã số: 8850103

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực công tác, có kiến thức chuyên sâu đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tế trong quản lý đất đai một cách có hiệu quả. Hiểu rõ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật và có khả năng vận dụng thành thạo các chính sách, tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong công tác quản lý đất đai.

Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật của đất nước; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Rèn luyện thế giới quan, phương pháp luận triết học, củng cố nhận thức về cơ sở lý luận trong đường lối của Đảng và chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam

b) Nâng cao kiến thức cơ sở lý luận khoa học về công cụ chính sách - pháp luật đất đai, quy hoạch đất đai, kinh tế đất, hệ thống thông tin đất đai.

c) Phát triển và nâng cao các kỹ năng, sử dụng thành thạo và linh hoạt những công cụ quản lý đất đai vào thực tiễn xử lý các vấn đề, nhiệm vụ mà ngành quản lý đất đai đặt ra.

d) Nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh trong nghiệp vụ chuyên môn, giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực quản lý đất đai trong và ngoài nước.

e) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.

- Cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương có liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai và các ngành gần.

- Các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ, các đơn vị sự nghiệp hoạt động về lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên và môi trường, khoa học đất...

- Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu về quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên và môi trường, khoa học đất.

- Tự thành lập và tổ chức các hoạt động dịch vụ nghiên cứu, sản xuất và tư vấn liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng:

* *Kiến thức chung:*

(2.1.1) Hiểu được cơ sở lý luận triết học trong nhận thức và vận dụng vào lĩnh vực chuyên ngành

* *Kiến thức chuyên môn:*

(2.1.2) Áp dụng các kiến thức cơ sở chuyên ngành và ngoại ngữ để tư duy, phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội cùng góp phần với các cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật đất đai, xây dựng chiến lược phát triển quản lý và sử dụng đất, đề xuất các chương trình, dự án cho các nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý đất đai. Phân biệt, giải thích và áp dụng được những quy định của chính sách pháp luật đất đai vào giải quyết và đề xuất các nhiệm vụ chuyên môn trong ngành quản lý đất đai.

(2.1.3) Phân tích kiến thức chuyên sâu về điều tra đánh giá tài nguyên đất đai từ đó đề xuất định hướng quản lý, sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bảo vệ môi trường.

(2.1.4) Phân tích và đánh giá được những vấn đề liên quan đến kinh tế đất, tài chính đất đai, định giá đất và thị trường bất động sản.

(2.1.5) Đánh giá, khai thác công nghệ hiện đại trong quản lý đất đai phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, xây dựng bản đồ chuyên đề các loại về quản lý đất đai; theo dõi, giám sát quản lý sử dụng đất; lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai.

2.2. Kỹ năng

* *Kỹ năng chung*

(2.2.1) Cải thiện kỹ năng tư duy logic, kỹ năng thuyết trình, phản biện nhóm vào

thực tiễn.

(2.2.2) Kỹ năng Tiếng Anh: Đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra học viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B2 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
4/6 (Khung VN)	5.5	500 PBT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Busines Vantage	60	B2

** Kỹ năng chuyên môn*

(2.2.3) Chuẩn hóa, đánh giá và nghiên cứu độc lập để đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý đất đai và tài nguyên môi trường.

(2.2.4) Thành thạo trong việc tham gia thực hiện, tư vấn trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông nghiệp, giá đất, thẩm định giá, bất động sản, thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất và lập dự án trong lĩnh vực quản lý đất đai.

(2.2.5) Có khả năng sử dụng thiết kế, xây dựng, khai thác, chia sẻ các công nghệ và phương tiện hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(2.3.1) Có tinh thần cầu thị, cởi mở, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao;

(2.3.2) Có thái độ, ý thức xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực và làm việc theo hiến pháp và pháp luật;

(2.3.3) Hình thành quan điểm, lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật, hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp.

(2.3.4) Tiếp thu chủ động định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân và vận dụng vào công tác chuyên môn trong lĩnh vực quản lý

và sử dụng đất.

(2.3.5) Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý đất đai và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, năng lực dẫn dắt chuyên môn;

(2.3.6) Có sáng kiến trong xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tế.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	60	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- Khối kiến thức chung	6	10,0
- Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42	70,0
+ <i>Bắt buộc:</i>	24	(40,0)
+ <i>Tự chọn:</i>	18	(30,0)
- Luận văn tốt nghiệp	12	20,0

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT - BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 3056/QĐ - TĐHHN ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

6. Cách thức đánh giá

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG							
1	NNTA201	Tiếng Anh B2	3	Học phần “Tiếng Anh B2” cung cấp cho học viên kiến thức về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như thông tin cá nhân (identity), các câu chuyện (tales), tương lai (Future), nghề nghiệp (jobs) và các giải pháp (solutions). Qua môn học này, người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ B2 thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày và nâng cao khả năng giao tiếp qua những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	16	29	90	
2	LCML201	Triết học	3	Sau khi học xong học phần học viên được trang bị những kiến thức cơ bản của các tư tưởng triết học trong lịch sử, vai trò của của triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay; quan hệ giữa triết học với	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				các khoa học và vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội để rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên trong nhận thức và vận dụng thực tiễn.				
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH							
II.1	Bắt buộc							
3	QĐQB201	Phân tích chính sách đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức liên quan tới: Các vấn đề cơ bản về chính sách và phân tích chính sách nói chung; Khái niệm, đặc điểm, mục tiêu và vai trò của chính sách đất đai; Khái niệm, mục đích, nội dung và phương pháp phân tích chính sách đất đai; Phân tích một số chính sách đất đai cụ thể ở Việt Nam. Học phần sẽ giúp cho học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai.	30	15	90	
4	NNTA202	Tiếng Anh chuyên ngành	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức tổng quát bằng Tiếng	11	19	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				<p>Anh của các môn học khác nhau thuộc khối kiến thức ngành Quản lý đất đai như: thuê sử dụng đất, luật đất đai, quy hoạch sử dụng đất, định giá và đánh giá đất. Qua môn học này, học viên sử dụng được và phân biệt được các hiện tượng ngữ pháp thường được sử dụng trong tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành như câu chủ động, bị động, câu điều kiện, câu có mệnh đề quan hệ, câu so sánh. Ngoài ra học viên còn được tiếp cận và sử dụng thành thạo những từ vựng liên quan đến các chủ đề của chuyên ngành Quản lý đất đai với lượng từ chuyên ngành khoảng 200 từ.</p>				
5	QĐKQ201	Đánh giá đất nâng cao	3	<p>Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức nâng cao về khung đánh giá đất theo FAO cùng các quy trình đánh giá đất của FAO cho một số nhóm đất chính (đất nông nghiệp có tưới, đất nông nghiệp không có tưới, đất lâm nghiệp); các quy trình và kỹ thuật đánh giá phân hạng đất nông nghiệp, chất lượng đất, ô nhiễm đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
6	QĐKQ202	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức chung về sử dụng đất bền vững; phân tích được khái niệm, cơ sở, nguyên tắc và yêu cầu của quy hoạch sử dụng đất bền vững; Tổng hợp và đánh giá được thực tế quy hoạch sử dụng đất một số nước trên thế giới và Việt Nam; Vận dụng lồng ghép các yếu tố môi trường và xã hội nhằm đạt được sự bền vững trong quy hoạch sử dụng đất tại Việt Nam. Đánh giá được việc ứng dụng bài toán tối ưu trong lập phương án quy hoạch sử dụng đất.	35	10	90	
7	QĐCT201	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức chung tổng quan về cơ sở dữ liệu đất đai; Trình bày và giải thích được một số khái niệm khái niệm, trách nhiệm xây dựng và giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu đất đai; Tổng hợp và đánh giá được thực trạng và định hướng xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở Việt Nam và hệ thống thông tin đất đai một số nước trên thế giới;	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				Vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai và thiết kế được mô hình cơ sở dữ liệu đất đai từ đó cập nhật, vận hành và quản lý bảo mật cơ sở dữ liệu đất đai.				
8	QĐQB202	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức về Hệ thống đăng ký đất đai hiện đại; Lịch sử phát triển của đăng ký đất đai ở Việt Nam; Giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai; Một số vấn đề chung về Chính phủ điện tử; Chính phủ điện tử ngành Tài nguyên và môi trường; Cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và môi trường; Mô hình hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai trên thế giới và Việt Nam.	22	8	60	
9	QĐQB203	Thẩm định giá đất và Bất động sản	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức Tổng quan về thẩm định giá đất và bất động sản; các phương pháp thẩm định giá bất động sản; quy trình thẩm định giá bất động sản.	30	15	90	
10	QĐQB204	Thanh tra, giám sát quản lý sử	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu được một số vấn đề chung về giám sát, theo dõi, đánh giá việc	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
		dụng đất		quản lý và sử dụng đất; Vận dụng trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai; thanh tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý sử dụng đất đai của các cấp hành chính trong đó tập trung vào giám sát, theo dõi và đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai và Giám sát của công dân trong quản lý và sử dụng đất đai.				
11	QĐQB205	Chính sách thu hồi đất	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò của công tác thu hồi đất; các chính sách cụ thể về thu hồi đất như căn cứ thu hồi đất, các trường hợp thu hồi đất, trưng dụng đất, trình tự, thủ tục thu hồi đất; đối tượng, điều kiện, mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.	22	8	60	
12	QĐQB206	Quản lý và kinh doanh Bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức chung về thị trường bất động sản và kinh doanh bất động sản; Phân tích và đánh giá được các hoạt động kinh doanh	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				bất động sản như các chiến lược; lập phương án và vận dụng được các loại hình đầu tư trong kinh doanh bất động sản; Phân tích, vận dụng được luật kinh doanh bất động sản, các chính sách của nhà nước trong công tác quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. Học viên có kỹ năng Marketing, kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh bất động sản. Có kỹ năng tìm kiếm các văn bản quy phạm pháp luật, các tài liệu liên quan đến kinh doanh bất động sản.				
II.2	Tự chọn (18/32 tín chỉ)							
13	QĐKQ203	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các cơ sở lý thuyết căn bản về các quá trình thoái hóa đất và kỹ thuật bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất. Nội dung chính của học phần gồm tổng quan thực trạng tài nguyên đất thế giới và Việt Nam; các quá trình thoái hóa đất; các kỹ thuật bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất.	21	9	60	
14	QĐKQ204	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức liên quan	23	7	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
		quy hoạch sử dụng đất bền vững		tới: lược sử sinh thái cảnh quan và các quan niệm; mô hình sinh thái học về các yếu tố cảnh quan; metric cảnh quan; quy hoạch sử dụng đất đa chức năng; quy hoạch sử dụng đất cho phục hồi cảnh quan; quy hoạch sử dụng đất dựa trên dấu chân sinh thái; quy hoạch sử dụng đất khu nông thôn và đô thị; quy hoạch không gian xanh đô thị; quy hoạch hành lang đa dạng sinh học và quy hoạch sử dụng đất trong khu bảo tồn tự nhiên.				
15	QĐKQ205	Quy hoạch vùng lãnh thổ	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức liên quan tới cơ sở, những vấn đề cơ bản của quy hoạch vùng lãnh thổ; quy hoạch vùng trên thế giới và ở Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học trình tự, nội dung quy hoạch vùng lãnh thổ, quy hoạch định hướng phát triển một số vùng tại Việt Nam. Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.	22	8	60	
16	QĐKQ206	Quy hoạch sử dụng đất	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên vận dụng được	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
		nông nghiệp nâng cao		nguyên tắc và quy trình quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Điều tra, đánh giá phục vụ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Phân vùng nông nghiệp, quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và lồng ghép các tiêu chí phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường trong quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Giải pháp, quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và xây dựng bộ tiêu chí về chất lượng đất đai phục vụ quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp.				
17	QĐKQ207	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức căn bản và nâng cao về các công cụ cơ bản trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất. Cụ thể cung cấp cho học viên kiến thức về các nội dung: Khái quát quản lý tổng hợp tài nguyên đất tổng hợp; Luật pháp và công cụ hành chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất; Công cụ quy hoạch và quản trị tài nguyên trong quản lý tài nguyên đất	23	7	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				tổng hợp; Các công cụ tài chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất.				
18	QĐCT202	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức cơ bản và nâng cao về cơ sở vật lý viễn thám, các phương pháp xử lý dữ liệu viễn thám; những nguyên lý và phương pháp phân tích dữ liệu địa lý (GIS). Đặc biệt, học phần tập trung vào ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai.	22	8	60	
19	QĐCT203	Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức về một số vấn đề chung về công nghệ thành lập bản đồ; một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ; vận dụng được các công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ và ứng dụng một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ	29	16	90	
20	QĐQB207	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được hệ thống những khái niệm cơ bản chung về đầu tư và dự án đầu tư. Học phần cũng cung cấp các kiến thức, quy định về trình tự nghiên cứu soạn thảo dự án đầu tư, trình tự lập dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, bố cục của dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, nguyên tắc, công cụ và	23	7	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
				phương pháp quản lý, các mô hình quản lý và nội dung quản lý. Lập được một số dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai.				
21	QĐCT204	Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung chính như sau: Tổng quan về hệ thống GNSS; khả năng ứng dụng GNSS; Hiệu quả ứng dụng GNSS trong quản lý đất đai. Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.	22	8	60	
22	QĐQB208	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức chung về quản lý tài nguyên và môi trường; Xu thế sử dụng tài nguyên và môi trường trên thế giới cũng như ở Việt Nam; Nội dung phát triển bền vững tài nguyên và môi trường và nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường.	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
23	QĐKQ208	Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức cơ bản về đô thị, đô thị hóa và quá trình phát triển đô thị đặc biệt là đất đô thị công nghiệp, khu kinh tế và các khu chức năng. Học viên phân tích và đánh giá được công tác quản lý sử dụng đất đô thị, quản lý nhà nước khu công nghiệp và khu kinh tế. Học phần sẽ giúp cho học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai.	20	10	60	
24	QĐQB209	Chính sách tài chính về đất đai nâng cao	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu và phân tích được một số vấn đề chung về ngân sách nhà nước; pháp luật thuế; cơ sở lý luận về tài chính đất đai; nội dung cơ bản về tài chính đất đai; khoản thu tài chính từ đất đai và pháp luật thuế về đất đai; Nâng cao hiệu quả chính sách thuế về đất đai và nâng cao hiệu quả một số nguồn thu khác từ đất đai	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
25	QĐQB210	Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới quản lý hành chính về đất đai. Học viên sẽ viết báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn về quản lý hành chính về đất đai.	5	25	60	
26	QĐCT205	Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại	2	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới thực trạng, bối cảnh phát triển ngành quản lý đất đai; Định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của ngành Quản lý đất đai; Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại và giải pháp thực hiện. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn của việc xây dựng Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại.	5	25	60	
27	QĐQB211	Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới	2	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên vấn đề chung liên quan tới quản lý đất đai ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm về quản lý đất đai của các nước trên thế giới áp dụng đối với Việt Nam.	5	25	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
III	LUẬN VĂN							
28	QĐQB212	Luận văn	12	Áp dụng lý thuyết đã học vào nghiên cứu một đề tài khoa học cụ thể. Ngoài ra, luận văn để đánh giá khả năng nghiên cứu độc lập của học viên; chứng tỏ học viên đã nắm vững kiến thức đã học, các phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành về vấn đề nghiên cứu.				
	Tổng số		60					

8. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ:

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ			
			Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
I	Khối kiến thức chung					
1	Triết học	LCML201	3			
2	Tiếng Anh B2	NNTA201	3			
II	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành					
II.1	Bắt buộc					
3	Tiếng Anh chuyên ngành	NNTA202	2			
4	Phân tích chính sách đất đai	QĐQB201	3			
5	Đánh giá đất nâng cao	QĐKQ201	3			
6	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	QĐKQ202		3		
7	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	QĐQB202		2		
8	Thẩm định giá đất và Bất động sản	QĐQB203		3		
9	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	QĐQB204		2		

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ			
			Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
10	Chính sách thu hồi đất	QĐQB205		2		
11	Quản lý và kinh doanh Bất động sản	QĐQB206			2	
12	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	QĐCT201			2	
II.2	Các học phần tự chọn (chọn 18/32 TC)		Chọn 2/4 TC	Chọn 4/8TC	Chọn 12/20TC	
13	Bảo vệ phục hồi tài nguyên đất	QĐKQ203	2			
14	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững	QĐKQ204	2			
15	Quy hoạch vùng lãnh thổ	QĐKQ205		2		
16	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao	QĐKQ206			3	
17	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	QĐKQ207		2		
18	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	QĐCT202			2	
19	Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại	QĐCT203			3	
20	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	QĐQB207			2	
21	Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	QĐCT204		2		
22	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao	QĐQB208		2		
23	Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng	QĐKQ208			2	
24	Chính sách tài chính về đất đai nâng cao	QĐQB209			2	
25	Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai	QĐQB210			2	
26	Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại	QĐCT205			2	

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ			
			Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
27	Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới	QĐQB211			2	
III	Luận văn tốt nghiệp					
28	Luận văn	QĐQB212				12
Tổng số tín chỉ (60)			16	16	16	12

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành; 45÷90 giờ thực tập tại cơ sở, 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; đề án, khóa luận tốt nghiệp hoặc luận văn tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của học viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng học viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và học viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi học viên trong mỗi học kỳ được quy định như sau: Số tín chỉ tối thiểu đăng ký học trong mỗi học kỳ (trừ học kỳ đầu khóa và cuối khóa) là 12 tín chỉ.